CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 28/CV-ĐHM	*Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Uỷ ban chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1.Tên công ty : **Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai**

- Mã chứng khoán: **HMR**

- Trụ sở chính: Khối Tân Thành, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: 0238 664 260 Fax: 0238 664 136

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công văn số 184/2023/CV-ĐHM ngày 14/02/2023 về việc giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp báo cáo tài chính năm 2022.

- Báo cáo tài chính năm 2022 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn https://rcchoangmai.vn/ mục Quan hệ nhà đầu tư.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân Trọng!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- HĐQT b/c;
- Lưu TC-KT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2901437166 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI TX.HOÀNG MAI T.NGHỆ AN

Nguyễn Duy Ánh

*** Tài liệu đính kèm:**

.- Công văn số 184/2023/CV-ĐHM ngày 14/02/2023 về việc giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp báo cáo tài chính năm 2022.

- Báo cáo tài chính năm 2022 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÁ HOÀNG MAI

Số: 184/2023/CV-HMR
V/v: giải trình chênh lệch LNST BCTC năm 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: **- Ủy ban chứng khoán nhà nước**
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Quy định tại điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC của bộ tài chính " Hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK".
- Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 và tình hình thực tế của Công ty cổ phần đá Hoàng Mai.

Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 so với cùng kỳ như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	CHÊNH LỆCH
1	Lợi nhuận sau thuế của công ty	6.791.543.368	5.721.665.574	(16%)

Nguyên nhân :

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của công ty giảm 1.069.877.794 đồng, tương đương giảm 16% so với cùng kỳ năm trước do trượt giá nhiên vật liệu xây dựng nên lợi nhuận từ các công trình xây lắp đạt tỷ lệ lợi nhuận thấp.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo đến Quý cơ quan và các nhà Đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TC-KT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2901437166 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI - TX.HOÀNG MAI - T.NGHỆ AN

Nguyễn Duy Ánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI
DN: C=VN, S=NGHỆ AN, L=HOÀNG MAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2901437166
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023-03-15 09:19:31
Foxit Reader Version: 9.0.1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 25
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2901437166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2011 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 06) vào ngày 26 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tạ Hữu Diễn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Duy Ánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Trung	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Ánh	Giám đốc	
Ông Nguyễn Nhật Cường	Phó Giám đốc	
Ông Tạ Thanh Tùng	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 21 tháng 03 năm 2022)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Xuân Trí	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính , Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc
Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Số: 130323.002/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai được lập ngày 13 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**81.239.369.336**	**77.356.652.138**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**288.460.439**	**284.065.716**
111	1. Tiền		288.460.439	284.065.716
130	**II. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**55.351.874.704**	**60.468.506.028**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	27.304.192.423	28.999.910.819
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	28.743.975.046	31.832.405.224
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	131.572.900	53.445.500
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(827.865.665)	(417.255.515)
140	**III. Hàng tồn kho**	**8**	**25.589.394.276**	**16.604.080.394**
141	1. Hàng tồn kho		25.589.394.276	16.604.080.394
150	**IV. Tài sản ngắn hạn khác**		**9.639.917**	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	9.639.917	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**9.896.060.704**	**10.190.271.564**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**1.918.199.897**	**1.700.474.939**
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.918.199.897	1.700.474.939
220	**II. Tài sản cố định**		**7.388.745.510**	**8.479.180.792**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.388.745.510	8.479.180.792
222	*- Nguyên giá*		*32.458.530.554*	*31.294.036.971*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(25.069.785.044)*	*(22.814.856.179)*
260	**III. Tài sản dài hạn khác**		**589.115.297**	**10.615.833**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	589.115.297	10.615.833
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**91.135.430.040**	**87.546.923.702**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**13.624.358.267**	**15.417.940.334**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**13.544.358.267**	**12.621.625.197**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	6.060.834.089	4.566.348.680
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	111.434.000	167.054.864
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.459.957.034	3.900.924.956
314	4. Phải trả người lao động		2.541.593.041	2.386.336.022
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.873.392.511	1.132.341.252
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		497.147.592	468.619.423
330	**II. Nợ dài hạn**		**80.000.000**	**2.796.315.137**
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	80.000.000	80.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	15	-	2.716.315.137
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**77.511.071.773**	**72.128.983.368**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**16**	**77.511.071.773**	**72.128.983.368**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.124.440.000	56.124.440.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*56.124.440.000*	*56.124.440.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.213.000.000	9.213.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.173.631.773	6.791.543.368
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*6.451.966.199*	-
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*5.721.665.574*	*6.791.543.368*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**91.135.430.040**	**87.546.923.702**

Nguyễn Trọng Thành
Kế toán trưởng
Kiêm người lập biểu

Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc
Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**18**	**51.712.842.973**	**87.769.523.085**
10	**2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**51.712.842.973**	**87.769.523.085**
11	**3. Giá vốn hàng bán**	**19**	**40.944.106.839**	**73.384.055.058**
20	**4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**10.768.736.134**	**14.385.468.027**
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	45.487.824	43.007.498
22	6. Chi phí tài chính	21	9.294.212	14.115.969
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*9.294.212*	*14.115.969*
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	4.926.468.348	5.758.509.807
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**5.878.461.398**	**8.655.849.749**
31	9. Thu nhập khác	23	1.299.690.882	68.080.000
32	10. Chi phí khác	24	20.856.250	82.501.452
40	**11. Lợi nhuận khác**		**1.278.834.632**	**(14.421.452)**
50	**12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**7.157.296.030**	**8.641.428.297**
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	1.435.630.456	1.849.884.929
60	**14. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**5.721.665.574**	**6.791.543.368**
70	**15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**26**	**1.019**	**1.665**

M.S.D.N: 2901437166 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI TX.HOÀNG MAI - T.NGHỆ AN

Nguyễn Trọng Thành
Kế toán trưởng
Kiêm người lập biểu

Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc
Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***7.157.296.030***	***8.641.428.297***
	2. Điều chỉnh cho các khoản		***(86.969.734)***	***2.319.055.710***
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.254.928.865	2.318.100.954
03	- Các khoản dự phòng		(2.305.704.987)	29.846.285
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(45.487.824)	(43.007.498)
06	- Chi phí lãi vay		9.294.212	14.115.969
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***7.070.326.296***	***10.960.484.007***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.701.499.607	(37.431.747.087)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.985.313.882)	9.401.993.932
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		1.201.178.998	(2.545.355.914)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(588.139.381)	(4.263.333)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.294.212)	(14.115.969)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.742.604.553)	(1.084.524.308)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	95.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(311.049.000)	(353.302.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***336.603.873***	***(20.975.830.672)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(377.696.974)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		45.487.824	43.007.498
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(332.209.150)***	***43.007.498***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	27.213.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		604.360.000	1.354.552.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(604.360.000)	(1.354.552.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(6.316.886.259)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***-***	***20.896.113.741***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**4.394.723**	**(36.709.433)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**284.065.716**	**320.775.149**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**288.460.439**	**284.065.716**

Nguyễn Trọng Thành
Kế toán trưởng
Kiêm người lập biểu

Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc
Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2901437166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2011 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 06) vào ngày 26 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty là: 56.124.440.000 VND, tương đương 5.612.444 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 64 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 65 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đúc sắt, thép;
- Sữa chữa máy móc, thiết bị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cầu và đường sắt, cầu và đường bộ; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm, các hoạt động xây lắp, cung cấp tà vẹt của Công ty chủ yếu tập trung vào việc hoàn thành nghiệm thu tại các công trình, hợp đồng chuyển tiếp từ năm trước, các hợp đồng mới có giá trị lớn phát sinh trong năm chưa đến giai đoạn nghiệm thu để ghi nhận doanh thu. Do đó, doanh thu và kết quả kinh doanh trong năm nay của Công ty giảm đáng kể so với năm trước.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của

từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động xây lắp: được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sản xuất công nghiệp: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

2.7 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:
- Chi phí bảo hiểm tài sản được ghi nhận theo hợp đồng đã ký kết, hóa đơn tài chính của công ty bảo hiểm và được công ty phân bổ theo thời hạn của hợp đồng;
- Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận theo số tiền nộp theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền, được công ty phân bổ theo thời gian khai thác mỏ.

2.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.10 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính
Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Công ty chủ yếu hoạt động xây lắp, khai thác chế biến đá, sản xuất tà vẹt để cung cấp cho khu vực miền Trung, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	29.215.362	87.931.300
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259.245.077	196.134.416
	288.460.439	**284.065.716**

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***430.064.910***	**-**	**-**	**-**
Công ty CP Công trình 791	161.553.150	-	-	-
Công ty CP Công trình 792	268.511.760	-	-	-
Bên khác	***26.874.127.513***	***(827.865.665)***	***28.999.910.819***	***(417.255.515)***
Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	1.727.992.465	-	622.534.665	-
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	10.298.819.206	-	11.581.050.476	-
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	3.992.521.268	-	4.677.886.708	-
Công ty CP Đường sắt Thanh Hoá	6.728.979.418	-	3.113.300.916	-
Xí nghiệp Xây lắp Công trình Giao thông - Công ty CP Đường sắt Thanh Hoá	1.565.891.031	-	2.909.037.331	-
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	1.043.548.044	-	3.849.957.080	-
Phải thu các khách hàng khác	1.516.376.081	(827.865.665)	2.246.143.643	(417.255.515)
	27.304.192.423	**(827.865.665)**	**28.999.910.819**	**(417.255.515)**

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***28.722.915.446***	***-***	***31.318.758.224***	***-***
Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt	28.722.915.446	-	31.318.758.224	-
Bên khác	***21.059.600***	***-***	***513.647.000***	***-***
Trả trước cho các người bán khác	21.059.600	-	513.647.000	-
	28.743.975.046	**-**	**31.832.405.224**	**-**

6 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về tạm ứng	69.700.900	-	53.445.500	-
Phải thu khác	61.872.000	-	-	-
	131.572.900	**-**	**53.445.500**	**-**
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.918.199.897	-	1.700.474.939	-
	1.918.199.897	**-**	**1.700.474.939**	**-**

7 NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đường bộ 230	260.388.000	-	260.388.000	-
Công ty CP Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	69.695.059	-	-	-
Công ty CP Xây dựng Công trình và Đầu tư 120	340.915.091	-	-	-
Công ty CP Công trình Giao thông 124	156.867.515	-	156.867.515	-
	827.865.665	**-**	**417.255.515**	**-**

8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.562.686.264	-	3.695.361.464	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	5.986.749	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.780.162.094	-	5.055.547.091	-
Thành phẩm	15.246.545.918	-	7.847.185.090	-
	25.589.394.276	**-**	**16.604.080.394**	**-**

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	9.639.917	-
	9.639.917	**-**
b) Dài hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	10.615.833
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	589.115.297	-
	589.115.297	**10.615.833**

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.106.365.180	18.326.471.999	3.821.290.701	39.909.091	31.294.036.971
- Mua trong năm	-	1.164.493.583	-	-	1.164.493.583
Số dư cuối năm	**9.106.365.180**	**19.490.965.582**	**3.821.290.701**	**39.909.091**	**32.458.530.554**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	3.771.742.093	15.926.298.807	3.076.906.188	39.909.091	22.814.856.179
- Khấu hao trong năm	532.549.590	1.568.116.775	154.262.500	-	2.254.928.865
Số dư cuối năm	**4.304.291.683**	**17.494.415.582**	**3.231.168.688**	**39.909.091**	**25.069.785.044**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	5.334.623.087	2.400.173.192	744.384.513	-	8.479.180.792
Tại ngày cuối năm	**4.802.073.497**	**1.996.550.000**	**590.122.013**	**-**	**7.388.745.510**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10.224.488.673 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 8.742.181.214 VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 303.033.700 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 0 VND).

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Bình	3.646.497.789	3.646.497.789	2.050.894.858	2.050.894.858
Công ty CP Dương Long Loan	918.518.130	918.518.130	706.536.700	706.536.700
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Tâm Trí Đức	-	-	615.840.000	615.840.000
Phải trả cho các người bán khác	1.495.818.170	1.495.818.170	1.193.077.122	1.193.077.122
	6.060.834.089	**6.060.834.089**	**4.566.348.680**	**4.566.348.680**

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên khác		
Công ty TNHH Đức Toàn	21.500.000	21.500.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Việt Tuấn	36.344.000	36.344.000
Công ty Công trình Đường sắt I - Thanh Hoá	32.000.000	32.000.000
Công ty CP Long Hưng	-	67.374.400
Công ty CP Đầu tư Phát triển Như Cương	21.590.000	-
Người mua trả tiền trước khác	-	9.836.464
	111.434.000	**167.054.864**
Người mua trả tiền trước quá hạn		
Công ty TNHH Đức Toàn	21.500.000	21.500.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Việt Tuấn	36.344.000	36.344.000
Công ty Công trình Đường sắt I - Thanh Hoá	32.000.000	32.000.000
	89.844.000	**89.844.000**

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.084.921.664	732.569.180	1.639.973.485	177.517.359
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.744.786.371	1.435.630.456	1.742.604.553	1.437.812.274
Thuế tài nguyên	181.723.259	1.037.506.300	912.745.630	306.483.929
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	794.221.000	(12.975.400)	390.622.800	390.622.800
Thuế bảo vệ môi trường và thuế khác	38.311.386	2.971.617.449	2.970.107.599	39.821.236
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	56.961.276	325.882.480	275.144.320	107.699.436
	3.900.924.956	**6.490.230.465**	**7.931.198.387**	**2.459.957.034**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	80.049.171	107.403.199
Bảo hiểm xã hội	102.419.834	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.690.923.506	1.024.938.053
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	*1.550.000.000*	*850.000.000*
Phải trả, phải nộp khác	*140.923.506*	*174.938.053*
	1.873.392.511	**1.132.341.252**
b) Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	80.000.000	80.000.000
- Tiền đào tạo của cán bộ công nhân viên	*80.000.000*	*80.000.000*
	80.000.000	**80.000.000**

15 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (i)	-	2.716.315.137
	-	**2.716.315.137**

(i) Trong năm, Công ty đã nhận được Quyết định số 5051/QĐ - UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Nghệ An và Thông báo số 884/TB-CCT ngày 11 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thuế khu vực Bắc Nghiệt I - Cục thuế tỉnh Nghệ An về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp của mỏ đá vôi Hoàng Mai B, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai cho giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2025. Công ty đã ghi giảm khoản dự phòng phải trả về phí cấp quyền các năm trước (trình bày tại khoản mục Dự phòng phải trả dài hạn) và phân bổ vào chi phí tiền phí cấp quyền năm nay theo thời gian khai thác. Phần phí cấp quyền cho thời gian khai thác còn lại tiếp tục phân bổ cho các kỳ kế toán sau cho đến khi hết thời hạn được theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước dài hạn (xem Thuyết minh số 9).

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**38.124.440.000**	**-**	**405.180.747**	**38.529.620.747**
Tăng vốn trong năm trước	18.000.000.000	9.213.000.000	-	27.213.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	6.791.543.368	6.791.543.368
Chia cổ tức	-	-	(72.713.049)	(72.713.049)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(332.467.698)	(332.467.698)
Số dư cuối năm trước	**56.124.440.000**	**9.213.000.000**	**6.791.543.368**	**72.128.983.368**
Lãi trong năm nay	-	-	5.721.665.574	5.721.665.574
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(339.577.169)	(339.577.169)
Số dư cuối năm nay	**56.124.440.000**	**9.213.000.000**	**12.173.631.773**	**77.511.071.773**

Theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 03 năm 2022 của Hội đồng quản trị phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau :

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		6.791.543.368
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5%	339.577.169
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại (i)		6.451.966.199

(i) Ngày 10 tháng 02 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT phê duyệt chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 11,4%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 1.140 đồng), ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách nhận cổ tức là ngày 06 tháng 03 năm 2023 và ngày thanh toán là 24 tháng 03 năm 2023.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt	33.500.000.000	59,69	33.500.000.000	59,69
Các cổ đông khác	22.624.440.000	40,31	22.624.440.000	40,31
	56.124.440.000	**100,00**	**56.124.440.000**	**100,00**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.124.440.000	38.124.440.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	18.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	56.124.440.000	56.124.440.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	6.244.173.210
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	72.713.049
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	*72.713.049*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	-	6.316.886.259
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	*6.316.886.259*
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.612.444	5.612.444
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.612.444	5.612.444
- *Cổ phiếu phổ thông*	*5.612.444*	*5.612.444*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.612.444	5.612.444
- *Cổ phiếu phổ thông*	*5.612.444*	*5.612.444*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Tình hình sử dụng vốn

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 38.124.440.000 VND lên 56.124.440.000 VND như sau:

Phương án sử dụng vốn được phê duyệt điều chỉnh tại Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (VND)
1	**Đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải**	**9.227.000.000**
	- Dây chuyền nghiền sàng đá (Công suất 100 - 250 tấn/h; xuất xứ Trung Quốc) + lắp đặt + làm mặt bằng	4.500.000.000
	- Máy nén khí TMPM 75A (Công suất 55KW; Xuất xứ Trung Quốc) - Máy khoan BMK4: 02 bộ + đường điện	500.000.000
	- Xe: XE BEN HOWO 3 CHAN THUNG HD MAY 38OHP EU5: số lượng 03 chiếc Đơn giá: 1.409.000.000/chiếc	4.227.000.000
2	**Bổ sung vốn lưu động**	**18.133.000.000**
	- Mua Vật tư sản xuất tà vẹt (Thép D6 dự ứng lực, xi măng, cát, Thép D3+D4, phụ gia, lõi nhựa xoắn, vật liệu nổ sản xuất đá)	15.800.000.000
	- Thanh toán chi phí vận chuyển bán tà vẹt và đá	1.033.000.000
	- Trả lương cán bộ công nhân viên	1.300.000.000
	Tổng cộng	**27.360.000.000**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tình hình sử dụng vốn của đợt phát hành như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn (VND)	Số tiền đã sử dụng đến ngày 31/12/2022 (VND)	Ghi chú
1	**Đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải**	**9.227.000.000**	**9.227.000.000**	Số tiền 9.227.000.000 VND đã được Công ty sử dụng để ứng trước cho Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2021 ngày 23/11/2021 về mua sắm tài sản cố định.
	- Dây chuyền nghiền sàng đá (Công suất 100 - 250 tấn/h; xuất xứ Trung Quốc) + lắp đặt + làm mặt bằng	4.500.000.000	4.500.000.000	
	- Máy nén khí TMPM 75A (Công suất 55KW; Xuất xứ Trung Quốc) - Máy khoan BMK4: 02 bộ + đường điện	500.000.000	500.000.000	
	- Xe: XE BEN HOWO 3 CHAN THUNG HD MAY 38OHP EU5: số lượng 03 chiếc Đơn giá: 1.409.000.000/chiếc	4.227.000.000	4.227.000.000	
2	**Bổ sung vốn lưu động**	**18.133.000.000**	**18.133.000.000**	
	- Mua Vật tư sản xuất tà vẹt (Thép D6 dự ứng lực, xi măng, cát, Thép D3+D4, phụ gia, lõi nhựa xoắn, vật liệu nổ sản xuất đá)	15.800.000.000	15.800.000.000	Số tiền đã được Công ty sử dụng: để thanh toán tiền mua vật tư cho nhà cung cấp là 2.800.000.000 VND; và ứng trước cho Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt số tiền 13.000.000.000 VND theo Hợp đồng kinh tế số 1102/CTĐC-ĐHM/2021 ngày 13/10/2021 và Hợp đồng kinh tế số 1103/CTĐC-ĐHM/2021 ngày 13/10/2021 về mua sắm vật tư
	- Thanh toán chi phí vận chuyển bán tà vẹt và đá	1.033.000.000	1.033.000.000	Đã thanh toán chuyển trả tiền cước cho Ga Trường Lâm
	- Trả lương cán bộ công nhân viên	1.300.000.000	1.300.000.000	Đã chi để thanh toán tiền lương tháng 10 và tháng 11 năm 2021
	Tổng cộng	**27.360.000.000**	**27.360.000.000**	

Đối với đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải: trong năm, Công ty chưa hoàn thành hạng mục này do để đảm bảo hiệu quả của việc sử dụng vốn, Công ty đang xem xét lại phương án đối với các hạng mục mua sắm này cùng với phương án đầu tư mới là dây chuyền xay đá.

Đối với bổ sung vốn lưu động để mua vật tư: trong năm, Công ty đã nhập hàng mua thép D6 với giá trị 2.813.058.795 VND. Do tình hình giá cả biến động tăng, Công ty đang xem xét lại phương án mua sắm và việc thực hiện hợp đồng nhằm đảm bảo hiệu quả của việc sử dụng vốn.

17 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

Theo hợp đồng thuê đất số 10/HĐ-TĐ ngày 24 tháng 09 năm 2003 ký giữa Công ty và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An, công ty được phép sử dụng lô đất có diện tích là 185.415,2 m^2 tại phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An cho thời hạn thuê đến hết ngày 23 tháng 10 năm 2025 với các mục đích sử dụng như sau:

- Diện tích đất 75.000 m^2 sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản;
- Diện tích đất 93.012,9 m^2 sử dụng vào mục đích chế biến khoáng sản và tập kết nguyên vật liệu sau khi khai thác;
- Diện tích đất 17.039,9 m^2 sử dụng vào mục đích xây dựng văn phòng công ty;
- Diện tích đất 362,4 m^2 sử dụng vào mục đích làm nghĩa trang, bia tưởng niệm.

Theo hợp đồng, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xí nghiệp xây lắp 107	116.648.500	116.648.500
Chi nhánh dịch vụ Đường sắt Vinh	112.199.179	112.199.179

18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán tà vẹt và các sản phẩm khác	26.338.025.251	38.380.185.872
Doanh thu bán các sản phẩm khai thác, chế biến đá	9.202.845.500	14.023.151.760
Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.171.972.222	35.366.185.453
	51.712.842.973	**87.769.523.085**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	17.287.324.222	38.172.383.453

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn bán tà vẹt và các sản phẩm khác	20.299.758.651	30.300.563.264
Giá vốn bán các sản phẩm khai thác, chế biến đá	6.526.390.766	9.960.985.975
Giá vốn hợp đồng xây dựng	14.117.957.422	33.122.505.819
	40.944.106.839	**73.384.055.058**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	11.129.327.990	17.517.349.700

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.487.824	43.007.498
	45.487.824	**43.007.498**

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.294.212	14.115.969
	9.294.212	**14.115.969**

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.890.169.801	4.091.557.184
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	176.018.555	4.305.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	425.904.434	441.147.356
Thuế, phí và lệ phí	393.622.800	235.021.920
Chi phí dự phòng	410.610.150	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.339.943	648.573.578
Chi phí khác bằng tiền	326.802.665	337.904.769
	4.926.468.348	**5.758.509.807**
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	-	54.641.500

23 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền thuê đất được giảm (i)	794.221.000	-
Hoàn nhập chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (ii)	492.506.920	-
Thu nhập khác	12.962.962	68.080.000
	1.299.690.882	**68.080.000**
Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	-	68.080.000

(i) Đây là tiền thuê đất được giảm của năm 2019 theo chính sách hỗ trợ của nhà nước, được Công ty ghi nhận theo các thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Công ty hoàn nhập đối với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã trích thừa so với quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Nghệ An (Thuyết minh 16), trong đó bao gồm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2011 đến hết năm 2013 không phải nộp theo Nghị Quyết 101/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội cho phép lùi thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ 01 tháng 01 năm 2014.

24 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Khấu hao tài sản chờ thanh lý	18.856.250	-
Tiền chậm nộp thuế	-	82.501.452
Các khoản bị phạt hành chính	2.000.000	-
	20.856.250	**82.501.452**

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.157.296.030	8.641.428.297
Các khoản điều chỉnh tăng	20.856.250	82.501.452
- *Chi phí không được trừ*	*20.856.250*	*82.501.452*
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.178.152.280	8.723.929.749
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**1.435.630.456**	**1.744.785.950**
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	105.098.979
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.744.786.371	979.425.750
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.742.604.553)	(1.084.524.308)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**1.437.812.274**	**1.744.786.371**

26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.721.665.574	6.791.543.368
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.721.665.574	6.791.543.368
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.612.444	4.078.745
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.019**	**1.665**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trện Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.832.327.153	37.191.534.833
Chi phí nhân công	12.678.887.074	15.766.117.006
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	176.018.555	23.092.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.236.072.615	2.086.229.034
Thuế, phí và lệ phí	2.313.252.381	2.858.626.112
Chi phí dự phòng	410.610.150	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.759.276.614	18.855.579.986
Chi phí khác bằng tiền	448.252.650	426.328.769
	55.854.697.192	**77.207.508.407**

28 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	604.360.000	1.354.552.000

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	604.360.000	1.354.552.000

29 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

30 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Khai thác, chế biến đá	Sản xuất tà vẹt và các hoạt động	**Tổng cộng toàn Doanh nghiệp**
	VND	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	16.171.972.222	9.202.845.500	26.338.025.251	51.712.842.973
Giá vốn hàng bán	14.117.957.422	6.526.390.766	20.299.758.651	40.944.106.839
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**2.054.014.800**	**2.676.454.734**	**6.038.266.600**	**10.768.736.134**
Tổng chi phí mua tài sản cố định	294.902.500	52.404.333	817.186.750	1.164.493.583
Tài sản bộ phận	7.884.105.620	13.395.235.283	24.997.963.654	46.277.304.557
Tài sản không phân bổ			44.858.125.483	44.858.125.483
Tổng tài sản	**7.884.105.620**	**13.395.235.283**	**69.856.089.137**	**91.135.430.040**
Nợ phải trả của các bộ phận	64.270.078	364.417.929	4.302.501.789	4.731.189.796
Nợ phải trả không phân bổ			8.893.168.471	8.893.168.471
Tổng nợ phải trả	**64.270.078**	**364.417.929**	**13.195.670.260**	**13.624.358.267**

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Công ty CP Tổng công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ
Công ty CP Công trình 791	Công ty mẹ là cổ đông lớn của công ty
Công ty CP Công trình 792	Công ty mẹ là cổ đông lớn của công ty
Công ty CP Công trình 798	Công ty mẹ là cổ đông lớn của công ty
Công ty CP Công trình 879	Công ty mẹ là cổ đông lớn của công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	**17.287.324.222**	**38.172.383.453**
Công ty CP Tổng công ty Công trình đường sắt	16.171.972.222	35.684.153.453
Công ty CP Công trình 791	866.730.000	-
Công ty CP Công trình 792	248.622.000	398.703.000
Công ty CP Công trình 798	-	2.089.527.000
Thu nhập khác	**-**	**68.080.000**
Công ty CP Tổng công ty Công trình đường sắt	-	68.080.000
Mua hàng hóa dịch vụ	**11.129.327.990**	**17.571.991.200**
Công ty CP Tổng công ty Công trình đường sắt	10.715.469.288	17.546.302.200
Công ty CP Công trình 791	413.858.702	3.000.000
Công ty CP Công trình 879	-	22.689.000

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Ghi chú	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Nguyễn Duy Ánh	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT		194.595.000	263.206.042
Nguyễn Nhật Cường	Phó Giám đốc		156.315.000	174.315.539
Tạ Thanh Tùng	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 21/03/2022)	33.820.000	195.851.293
Nguyễn Trọng Thành	Kế toán trưởng		158.050.000	177.887.846
Nguyễn Thị Bình	Thành viên Ban kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 23/04/2021)	126.910.000	68.384.092
Nguyễn Văn Hiệu	Trưởng Ban kiểm soát	(Miễn nhiệm ngày 23/04/2021)	-	86.993.692
Lê Trọng Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	(Miễn nhiệm ngày 23/04/2021)	-	66.751.077
Hồ Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	(Miễn nhiệm ngày 23/04/2021)	-	41.847.554

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Trọng Thành
Kế toán trưởng
Kiêm người lập biểu

Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc
Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai

Ngày 13 tháng 03 năm 2023

Kính gửi:
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc: Phạm Anh Tuấn
Kiểm toán viên: Nguyễn Trường Minh
Số 1 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thưa Quý vị,

THƯ GIẢI TRÌNH

Thư giải trình này được phát hành liên quan đến công việc kiểm toán của các kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 nhằm mục đích giúp cho kiểm toán viên đưa ra ý kiến về việc liệu các Báo cáo tài chính này có đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan hay không.

Chúng tôi xác nhận rằng:

TỔNG THỂ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán và soát xét số 150722.012/HĐTC.KT5 ngày 15/07/2022, đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính .

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ được chúng tôi xây dựng và duy trì nhằm đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Chúng tôi đã thông báo cho Quý vị biết về những đánh giá của chúng tôi về rủi ro mà Báo cáo tài chính có thể có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

3. Tất cả các giao dịch đã được chúng tôi ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4. Không có bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật và các quy định nào đã xảy ra hoặc có thể xảy ra mà trong trường hợp xảy ra vi phạm có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Chúng tôi đã thông báo cho Quý vị tất cả các sự kiện trọng yếu liên quan đến bất kỳ gian lận đã phát hiện hoặc nghi ngờ gian lận nào có thể ảnh hưởng đến Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai.

6. Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý.

7. Tất cả các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh và thuyết minh theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng đều đã được chúng tôi điều chỉnh và thuyết minh.

8. Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán bằng cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

9. Chúng tôi đã xem xét tất cả các bút toán đề nghị điều chỉnh của Quý vị và đã ghi nhận các bút toán điều chỉnh này vào Báo cáo tài chính của chúng tôi.

CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

10. Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được chúng tôi giải thích, cung cấp đầy đủ thông tin cho Quý vị và thuyết minh một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

11. Chúng tôi đã xem xét tất cả các bút toán đề nghị điều chỉnh của Quý vị và đã ghi nhận các bút toán điều chỉnh này vào Báo cáo tài chính của chúng tôi.

12. Các thông tin dưới đây đã được ghi nhận đúng đắn và phù hợp, được thuyết minh đầy đủ trong Báo cáo tài chính giữa niên độ:
    (i) Các giao dịch với bên liên quan, bao gồm mua, bán, các khoản vay, chuyển nhượng, các thỏa thuận cho thuê và bảo đảm, và các khoản phải thu hoặc phải trả các bên liên quan;
    (ii) Các thỏa thuận bảo đảm bằng văn bản hay bằng lời mà theo đó Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai có nghĩa vụ tiềm tàng;
    (iii) Các thỏa thuận và quyền chọn mua lại các tài sản đã bán trước đây.

TÀI SẢN

13. Công ty chúng tôi có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp, ngoài các tài sản thế chấp đã thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

14. Chúng tôi không có kế hoạch dừng sản xuất bất kỳ dòng sản phẩm nào có thể dẫn đến bất kỳ hàng tồn kho dư thừa hoặc quá hạn ngoài các hàng tồn kho quá hạn do không có đơn đặt hàng bán hàng trong tương lai mà chúng tôi đã trích lập dự phòng đầy đủ. Không có bất kỳ hàng tồn kho nào được ghi nhận theo giá trị vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.

15. Mọi giao dịch bán đều đã được chốt và không có bất cứ một thoả thuận biệt lập nào với khách hàng, hoặc một điều khoản bán hàng nào, cho phép trả lại hàng đã bán, ngoại trừ trường hợp hàng bị hư hỏng hoặc điều kiện khác thường được áp dụng trong trường hợp bảo hành.

16. Không có các thỏa thuận về việc bồi thường nào có liên quan đến các tài khoản tiền và các khoản đầu tư của chúng tôi. Ngoại trừ những nội dung đã được công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi hiện không có các thỏa thuận về tín dụng nào khác.

17. Các khoản chi phí trả trước và chi phí phải trả trên Bảng cân đối kế toán được chúng tôi ghi nhận trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu và khả năng chắc chắn phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

NỢ PHẢI TRẢ, CÁC CAM KẾT VỀ NGHĨA VỤ PHẢI TRẢ

18. Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng.

19. Chúng tôi đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả đã phát sinh, tất cả các khoản nợ tiềm tàng và các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ ba.

20. Các khoản dự phòng đối với những thiệt hại có thể xảy ra do các vụ kiện, khiếu nại từ bên thứ ba hoặc các hợp đồng khác đã được ghi nhận đầy đủ trên Báo cáo tài chính. Ngoại trừ các khoản đã nêu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, không có bất kỳ một nghĩa vụ nợ nào khác được đảm bảo, cầm cố bằng tài sản của Công ty chúng tôi tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

21. Chúng tôi đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả đã phát sinh, tất cả các khoản nợ tiềm tàng và các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ ba.

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

22. Trong năm 2021, thực hiện theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội

đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc chào bán 1.800.000 cổ phiếu lần đầu ra công chúng để tăng vốn điều lệ từ 38.124.440.000 VND lên 56.124.440.000 VND, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị và bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt phát hành cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn.

Phương án sử dụng vốn ban đầu theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 08 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (VND)
1	**Đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải**	**9.227.000.000**
	- Dây chuyền nghiền sàng đá (Công suất 100 - 250 tấn/h; xuất xứ Trung Quốc) + lắp đặt + làm mặt bằng	4.500.000.000
	- Máy nén khí TMPM 75A (Công suất 55KW; Xuất xứ Trung Quốc) - Máy khoan BMK4: 02 bộ + đường điện	500.000.000
	- Xe: XE BEN HOWO 3 CHAN THUNG HD MAY 38OHP EU5: số lượng 03 chiếc Đơn giá: 1.409.000.000/chiếc	4.227.000.000
2	**Bổ sung vốn lưu động**	**18.133.000.000**
	- Mua (dầu máy, nhiên liệu đầu vào, thanh toán tiền điện)	2.500.000.000
	- Mua Vật tư sản xuất tà vẹt (Thép D6 dự ứng lực, xi măng, cát, Thép D3+D4, phụ gia, lõi nhựa xoắn, vật liệu nổ sản xuất đá)	10.500.000.000
	- Trả lương cán bộ công nhân viên	5.133.000.000
	Tổng cộng	**27.360.000.000**

Phương án sử dụng vốn ban đầu theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 08 năm 2021 nêu trên đã được Hội đồng quản trị phê duyệt thay đổi theo phương án tại Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2021 và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (VND)
1	**Đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải**	**9.227.000.000**
	- Dây chuyền nghiền sàng đá (Công suất 100 - 250 tấn/h; xuất xứ Trung Quốc) + lắp đặt + làm mặt bằng	4.500.000.000
	- Máy nén khí TMPM 75A (Công suất 55KW; Xuất xứ Trung Quốc) - Máy khoan BMK4: 02 bộ + đường điện	500.000.000
	- Xe: XE BEN HOWO 3 CHAN THUNG HD MAY 38OHP EU5: số lượng 03 chiếcĐơn giá: 1.409.000.000/chiếc	4.227.000.000
2	**Bổ sung vốn lưu động**	**18.133.000.000**
	- Mua Vật tư sản xuất tà vẹt (Thép D6 dự ứng lực, xi măng, cát, Thép D3+D4, phụ gia, lõi nhựa xoắn, vật liệu nổ sản xuất đá)	15.800.000.000
	- Thanh toán chi phí vận chuyển bán tà vẹt và đá	1.033.000.000
	- Trả lương cán bộ công nhân viên	1.300.000.000
	Tổng cộng	**27.360.000.000**

Tình hình sử dụng vốn của các đợt phát hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn (VND)	Số tiền đã sử dụng đến ngày 31/12/2022 (VND)	Ghi chú
1	**Đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải**	**9.227.000.000**	**9.227.000.000**	Số tiền 9.227.000.000 VND đã được Công ty sử dụng để ứng trước cho Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt theo
	- Dây chuyền nghiền sàng đá (Công suất 100 - 250 tấn/h;	4.500.000.000	4.500.000.000	

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn (VND)	Số tiền đã sử dụng đến ngày 31/12/2022 (VND)	Ghi chú
	xuất xứ Trung Quốc) + lắp đặt + làm mặt bằng			Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2021 ngày 23/11/2021 về mua sắm tài sản cố định.
	- Máy nén khí TMPM 75A (Công suất 55KW; Xuất xứ Trung Quốc) - Máy khoan BMK4: 02 bộ + đường điện	500.000.000	500.000.000	
	- Xe: XE BEN HOWO 3 CHAN THUNG HD MAY 38OHP EU5: số lượng 03 chiếc Đơn giá: 1.409.000.000/chiếc	4.227.000.000	4.227.000.000	
2	**Bổ sung vốn lưu động**	**18.133.000.000**	**18.133.000.000**	
	- Mua Vật tư sản xuất tà vẹt (Thép D6 dự ứng lực, xi măng, cát, Thép D3+D4, phụ gia, lõi nhựa xoắn, vật liệu nổ sản xuất đá)	15.800.000.000	15.800.000.000	Số tiền đã được Công ty sử dụng: để thanh toán tiền mua vật tư cho nhà cung cấp là 2.800.000.00 VND; và ứng trước cho Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt số tiền 13.000.000.000 VND theo Hợp đồng kinh tế số 1102/CTĐC-ĐHM/2021 ngày 13/10/2021 và Hợp đồng kinh tế số 1103/CTĐC-ĐHM/2021 ngày 13/10/2021 về mua sắm vật tư
	- Thanh toán chi phí vận chuyển bán tà vẹt và đá	1.033.000.000	1.033.000.000	Đã thanh toán chuyển trả tiền cước cho Ga Trường Lâm
	- Trả lương cán bộ công nhân viên	1.300.000.000	1.300.000.000	Đã chi để thanh toán tiền lương tháng 10 và tháng 11 năm 2021
	Tổng cộng	**27.360.000.000**	**27.360.000.000**	

Đối với hạng mục Đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải: Công ty đã ứng trước cho Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (RCC) theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2021 ngày 23/11/2021 về mua sắm tài sản cố định với tổng giá trị hợp đồng là 12.000.000.000 VND, chúng tôi đã sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành để ứng trước số tiền là 9.227.000.000 VND. Tuy nhiên việc thực hiện hợp đồng bị chậm chủ yếu giai đoạn đầu triển khai việc tiếp cận với người bán Trung Quốc bị hạn chế (do dịch covid -19 tại Trung Quốc), chúng tôi đã làm việc với RCC để gia hạn hợp đồng này, ngoài ra chủ trương về việc gia hạn thời hạn khai thác mỏ (sau năm 2025) là chưa rõ ràng nên để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, Hội đồng quản trị Công ty vẫn đang trong quá trình xem xét phê duyệt dự án dây chuyền xay đá và đánh giá lại hiệu quả của phương án sử dụng vốn.

Đối với hợp đồng mua vật tư: Chúng tôi đã ký Hợp đồng kinh tế số 1102/CTĐC-ĐHM/2021 ngày 13/10/2021 và Hợp đồng kinh tế số 1103/CTĐC-ĐHM/2021 ngày 13/10/2021 Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (RCC) với tổng giá trị là 13 tỷ VND, chúng tôi đã ứng trước về mua sắm vật tư là 13.000.000.000 VND. Trong năm, Công ty đã nhập hàng mua thép D6 thuộc danh mục vật tư từ RCC theo phương án sử dụng vốn với giá trị 2.813.058.795 VND. Với mục tiêu ban đầu là Công ty mua để phục vụ nhu cầu của đơn vị và còn để bán lại cho các đơn vị khác trong Tổng công ty. Tuy nhiên do giá cả tăng mạnh nên Công ty và RCC thống nhất sẽ chỉ nhập mua để phục vụ các công trình của Công ty. Đến nay, Hai bên đang xem xét lại tiến độ giao hàng cho hợp đồng này để phù hợp với tình hình sản xuất công ty, tránh tình trạng vật tư nhập

về tổn đọng gây hư hỏng lãng phí. Chúng tôi sẽ phải trình HĐQT về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn (nếu phải thay đổi) sang các loại vật tư khác phù hợp với nhu cầu thực tế của Công ty khi thống nhất được phương án.

Chúng tôi cam kết, các phương án sử dụng vốn được phê duyệt là hoàn toàn phù hợp với thực tế và được ban hành đúng thẩm quyền và quy định, số tiền huy động được từ đợt phát hành được sử dụng như trên hoàn toàn phù hợp với các mục đích sử dụng vốn đã được phê duyệt.

23. Trong năm 2022, chúng tôi có các giao dịch mua bán hàng với tổng giá trị lớn hơn 35% tổng tài sản trên Báo cáo tài chính gần nhất với Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt - công ty mẹ của Chúng tôi. Theo quy định tại Điều 293, Nghị định 155/2020/NĐ-CP thì thẩm quyền phê duyệt các giao dịch này thuộc về Đại hội đồng Cổ đông. Tại Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 49/2022/BBĐH/CTĐHM ngày 25 tháng 03 năm 2022, đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Tờ trình về việc phê duyệt giao dịch đối với người có liên quan (tờ trình số 08/2022/TTr-ĐHM-HĐQT ngày 25 tháng 03 năm 2022) với tỷ lệ biểu quyết 100%. Tuy nhiên, do sơ xuất trong quá trình soạn thảo Nghị quyết 04/2022/NQ/HĐQT, tại ngày 21/12/2022 chúng tôi đã ban hành công văn số 130/CV-ĐHM để đính chính lại thông tin của Nghị quyết này như sau: **Thông tin cũ:** Tại mục 8 thông qua tờ trình giao dịch với bên liên quan: 3.976.400 cổ phần tán thành, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, **Thông tin đính chính:** Tại mục 8 thông qua tờ trình giao dịch với bên liên quan 626.400 cổ phần tàn thành, tương ứng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội (trừ 3.350.000 cổ phần của cổ đông có lợi ích liên quan). Chúng tôi cam kết, việc biểu quyết trên là đúng với các quy định của Pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

CUNG CẤP THÔNG TIN

24. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý vị:
- Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
- Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
- Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán.

25. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị các kết quả đánh giá của chúng tôi về rủi ro Báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận.

26. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các thông tin liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận mà chúng tôi biết và có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến:
- Ban Giám đốc;
- Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc
- Các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.

27. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị tất cả các trường hợp không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

28. Chúng tôi đã công bố cho Quý vị danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.

Trân trọng kính chào,

Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc

Nguyễn Trọng Thành
Kế toán trưởng